

Số: 163/TB-VKSTB

Thái Bình, ngày 01 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Ý kiến của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về thực hiện chế độ đối với Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2023/NĐ-CP

Thực hiện Công văn số 4477/VKSTC-V15 ngày 18/10/2023 hướng dẫn việc áp dụng tiền lương trong hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Căn cứ báo cáo của các đơn vị, nguyện vọng của người lao động và thực hiện chính sách cán bộ, tập thể Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã thống nhất như sau:

1. Về hình thức, thời điểm áp dụng tiền lương của người lao động

1.1. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 8 Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định 111), thống nhất trả lương cho người lao động bằng hình thức “theo bảng lương của công chức, viên chức (theo hệ số); các loại phụ cấp được hưởng (nếu có) được tính vào tiền lương; chế độ nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức”.

1.2. Thời điểm áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức (theo hệ số) thực hiện từ ngày 01/11/2023.

2. Về bậc lương và thời điểm tính nâng lương

Đối với người lao động đã áp dụng hệ số lương trước ngày chuyển đổi lương (trước ngày 01/01/2021): Căn cứ bậc, hệ số lương, ngày giữ bậc lương tại thời điểm trước khi chuyển đổi, tính theo quy định 02 năm/ bậc để tính ra bậc, hệ số, ngày xét nâng bậc lương hiện nay.

Đối với người lao động chưa áp dụng hệ số lương (ký hợp đồng từ ngày 01/01/2021 đến 31/10/2023): căn cứ vị trí việc làm để xếp vào bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Hệ số lương bắt đầu từ bậc 1 theo ngạch nhân viên, cộng với thời gian theo quy định 02 năm/bậc (nếu có) để tính ra bậc, hệ số lương hiện tại. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính theo quy định.

Để thực hiện chính sách đối với một số trường hợp người lao động sau khi chuyển đổi hình thức áp dụng tiền lương có thu nhập thấp hơn mức hiện hưởng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh quyết định áp dụng bậc lương phù hợp với mức lương hiện hưởng để tạo điều kiện cho người lao động đảm bảo cuộc sống.

(Có bảng Bậc, hệ số, thời điểm nâng lương kèm theo)

3. Về việc ký lại Hợp đồng

Phòng 15 phối hợp Văn phòng tổng hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tổ chức ký lại hợp đồng lao động đối với người lao động hai cấp Kiểm sát Thái Bình theo mẫu mới ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ Nội vụ ban hành mẫu hợp đồng lao động theo Nghị định 111 theo chỉ đạo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Yêu cầu Chánh Văn phòng tổng hợp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện, thành phố triển khai thông báo này và dự kiến về bậc, hệ số, thời điểm nâng lương đến toàn thể người lao động trong đơn vị để nghiên cứu. Nếu có ý kiến vướng mắc khó khăn báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (qua Phòng 15) trước 14h ngày 03/11/2023 để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình thông báo đề các đơn vị, công chức, người lao động trong ngành Kiểm sát Thái Bình biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tối cao - Vụ 15 (để báo cáo);
- Lãnh đạo VKSND tỉnh;
- Các phòng thuộc VKSND tỉnh, VKSND huyện, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB (2b).

VIỆN TRƯỞNG



[Handwritten Signature]

Lại Hợp Mạnh



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

(Kèm theo Thông báo số 163/TB-VKSTB ngày 01/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình)

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Năm sinh	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Ngày vào ngành Kiểm sát	Hệ số lương trước khi chuyển đổi			Dự kiến chuyển sang hệ số			Ghi chú
							Ngày hưởng	Bậc	Hệ số	Ngày tính nâng bậc lương	Bậc	Hệ số	
1	Nguyễn Quốc Phòng	VKSND Tỉnh	1974	Lái xe cơ quan	1.01	21/02/2005	01/03/2020	11	3.85	01/03/2022	12	4.03	
2	Nguyễn Văn Ngọc	VKSND Tỉnh	1975	Lái xe cơ quan	1.01	01/01/2003	01/03/2020	8	3.31	01/03/2022	9	3.49	
3	Bùi Trường Sơn	VKSND Tỉnh	1974	Lái xe cơ quan	1.01	01/07/2017	01/07/2019	2	2.23	01/07/2023	4	2.59	
4	Vũ Thị Lan	VKSND Tỉnh	1985	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
5	Lưu Thị Thuý	VKSND Tỉnh	1988	Nhân viên phục vụ	1.009	01/04/2013	01/04/2019	4	1.54	01/04/2023	6	1.90	
6	Nguyễn Thanh Hà	VKSND Tỉnh	1996	Nhân viên phục vụ	1.009	03/10/2022				01/10/2022	4	1.54	
7	Bùi Phương Thúy	VKSND Tỉnh	1991	Nhân viên phục vụ	1.009	03/07/2014	01/07/2020	4	1.54	01/07/2022	5	1.72	
8	Lê Văn Hội	VKSND Tỉnh	1982	Nhân viên kỹ thuật	1.007	15/01/2015	01/02/2019	3	2.01	01/02/2023	5	2.37	
9	Ngô Việt Anh	VKSND Tỉnh	1989	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/04/2022				01/04/2022	2	1.68	
10	Nguyễn Văn Sơn	VKSND Tỉnh	1970	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/08/2023				01/08/2023	2	1.68	
11	Nguyễn Như Quý	VKS Thành Phố	1982	Lái xe cơ quan	1.01	01/01/2013	01/01/2019	4	2.59	01/01/2023	6	2.95	
12	Phạm Thị Minh	VKS Thành Phố	1984	Nhân viên phục vụ	1.009	01/10/2006	01/10/2019	7	2.08	01/10/2023	9	2.44	
13	Vũ Xuân Bấy	VKS Thành Phố	1993	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/07/2017	01/07/2019	2	1.68	01/07/2023	4	2.04	
14	Phạm Hồng Tâm	VKS Thành Phố	1992	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
15	Phạm Thị Thu	VKS Đông Hưng	1983	Nhân viên phục vụ	1.009	01/01/2016	01/01/2020	3	1.36	01/01/2022	4	1.54	
16	Trần Thế Trung	VKS Đông Hưng	1995	Lái xe cơ quan	1.01	15/11/2021				15/11/2023	2	2.23	
17	Phạm Đức Điệp	VKS Quỳnh Phụ	1972	Nhân viên bảo vệ	1.011	15/12/2022				15/12/2022	1	1.50	
18	Nguyễn Thị Hiền	VKS Quỳnh Phụ	1987	Nhân viên phục vụ	1.009	01/04/2021				01/04/2023	4	1.54	
19	Lê Thành Vương	VKS Quỳnh Phụ	1983	Lái xe cơ quan	1.01	15/11/2006	01/11/2020	8	2.76	01/11/2022	6	2.95	Chuyển từ ngạch bảo vệ sang lái xe từ 01/12/2022
20	Đặng Tiến Đức	VKS Hưng Hà	1983	Nhân viên bảo vệ	1.011	15/04/2010	15/04/2020	6	2.40	15/04/2022	7	2.58	
21	Đặng Thị Thuý	VKS Hưng Hà	1992	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
22	Nguyễn Văn Khiêm	VKS Vũ Thư	1972	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/06/2017	01/06/2019	2	1.68	01/06/2023	4	2.04	
23	Phạm Thị Thúy	VKS Vũ Thư	1980	Nhân viên phục vụ	1.009	15/12/2019	15/12/2019	1	1.00	15/12/2023	4	1.54	
24	Phạm Văn Đăng	VKS Kiến Xương	1964	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/07/2013	01/07/2019	4	2.04	01/07/2023	6	2.40	
25	Nguyễn Thị Huyền Trang	VKS Kiến Xương	1988	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
26	Trần Văn Đức	VKS Tiền Hải	1966	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/04/2006	01/04/2020	8	2.76	01/04/2022	9	2.94	
27	Cao Thị Vân Anh	VKS Tiền Hải	1979	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
28	Phạm Xuân Đoàn	VKS Tiền Hải	1978	Lái xe cơ quan	1.01	01/12/2022				01/12/2022	1	2.05	
29	Phan Văn Duy	VKS Thái Thụy	1974	Nhân viên bảo vệ	1.011	01/06/2006	01/06/2020	8	2.76	01/06/2022	9	2.94	
30	Vũ Thị Gấm	VKS Thái Thụy	1978	Nhân viên phục vụ	1.009	15/02/2014	15/02/2020	4	1.54	15/02/2022	5	1.72	
31	Phạm Văn Quán	VKS Thái Thụy	1981	Lái xe cơ quan	1.01	15/06/2021				15/06/2023	2	2.23	